

Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 11 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 485/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/01/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh T với anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: tên Nguyễn Thị Tú Ng, sinh ngày 24/10/2011 hiện đang sống chung với chị N và cháu Ng có nguyện vọng được sống với chị N. Chị N và anh Đ tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

tên Nguyễn Thị Tú Ng, sinh ngày 24/10/2011.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N và anh Đ chưa yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: chị N và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0018588, ngày 28/11/2018 do chị N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Đại Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung